

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.
Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)*



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 12.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính : 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : (84.8) 3832 8964 Fax: (84.8) 38342957

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
NĂM 2016

*(Ban hành theo thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ tài Chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	: No 4 printing joint stock company
Tên viết tắt	: IN4 JSC
Giấy chứng nhận doanh nghiệp	: 0300462580
Vốn điều lệ	: 12.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 12.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: 08 38291312
Fax	: 08 38297577
E-mail	: ctcpin4@gmail.com
Website	: http://www.inso4.com
Mã cổ phiếu	: IN4

(Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 05/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh...

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bế hộp, mạ nhũ vàng. Cho thuê văn phòng. Giáo dục tiểu học.

Địa bàn kinh doanh: Phạm vi kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trong đó chủ yếu là tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Cao nhất là Đại hội đồng cổ đông, kế tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động công ty giữa 2 kỳ đại hội. Bên cạnh đó tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty luôn được đề cao thể hiện qua việc mọi thành viên trong công ty đều có thể bày tỏ ý kiến để đóng góp xây dựng vào quá trình vận hành của doanh nghiệp nhằm giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh sản xuất.

Tổ chức kinh doanh: Chú trọng vào công việc sản xuất chính là tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm về In và các dịch vụ ngành In có liên quan. Hiện chưa tham gia vào các ngành nghề khác đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như: cho thuê văn phòng, giáo dục các cấp hoặc thị trường chứng khoán.

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, phân xưởng trực thuộc.

5. Định hướng phát triển

✚ Duy trì và củng cố nguồn việc hiện có trên cơ sở tận dụng uy tín vốn có đối với các khách hàng truyền thống và cố gắng khai thác thêm nguồn việc mới, khách hàng mới.

✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ bằng cách tiếp cận và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại công nghệ cao.

✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

6. Các rủi ro:

Nằm trong tình trạng chung của các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, công ty cũng gặp rủi ro lớn nhất là tình hình chiếm dụng vốn và phát sinh công nợ dây dưa, thậm chí có khả năng mất vốn đã đầu tư sản xuất. Để khắc phục, doanh nghiệp chú trọng đến việc tìm hiểu, điều tra năng lực các khách hàng mới đồng thời hạn chế tối đa trong việc cho đối tác nhận hàng trước khi thanh toán.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong Công ty đã đoàn kết và nỗ lực khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng vật tư để tổ chức và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 giao. Kết quả thu được trong năm vừa qua được thể hiện trong bảng số liệu sau :

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Năm 2016		So sánh	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2015	KH 2016
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5
1	Giá trị tổng SL (GCD 1994)	Triệu đồng	28,541	27.000	29,064	102	108
2	Sản phẩm (Trang in 13 x 19)	Triệu trang	5,279	5.000	5,294	100	106
	Trong đó : Sản xuất chủ yếu	'	5,279	45.000	5,294	100	106
3	Tổng giá trị xuất nhập khẩu	USD	/	/	/	/	/
	Trong đó : - Xuất	'	/	/	/	/	/
	- Nhập	'	/	/	/	/	/
4	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Triệu đồng	49,631	45.000	51,477	104	114
	Trong đó : - Sản xuất CN	'	49,631	45.000	51,477	104	114
5	Lợi nhuận trước thuế	'	6,651	6.960	8,570	129	123
6	Tỷ lệ cổ tức	%	30	25	30	100	120

Từ bảng số liệu cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch và có tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, trong đó đặc biệt nội dung lợi nhuận đạt tỷ lệ cao nhất là 129% đã nói lên tính đúng đắn và sự nỗ lực rất cao của tập thể lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Cty.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Do	1954	Giám đốc	5.200	
2	Phạm Trần Thọ	1960	Phó giám đốc	2.100	
3	Phan Chí Trung	1960	Phó giám đốc	9.800	
4	Trần Thị Hạnh	1961	Kế toán trưởng	9.200	

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Lực lượng lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm 2016 của Công ty là 154 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

b) Chính sách cho người lao động

Chính sách đào tạo: Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5.

Chính sách tiền lương: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất).

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế khen thưởng và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kẽm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt gần 01 tỷ đồng.

Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, chúng tôi xin trình bày các việc đã làm được của Bản kế hoạch hợp tác kinh doanh mặt bằng 61 Phạm Ngọc thạch, Quận 3 qua hình thức chuyển nhượng thương quyền của mặt bằng và việc di dời tập trung các PX sản xuất về một mối trong khu công nghiệp như sau :

3.1/ Chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc thạch, Quận 3 cho các nhà đầu tư:

a/ Hình thức thực hiện:

Ký kết Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất, giá trị lợi thế của mặt bằng có tính đến chi phí hỗ trợ di dời và ổn định sản xuất cho người lao động khi Doanh nghiệp di chuyển vào khu công nghiệp.

b/ Số lượng các nhà đầu tư:

1. Tập đoàn Nguyễn Kim – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim. Qua sự giới thiệu của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh SEAREFICO

2. Tập đoàn bất động sản NOVALAND. Qua sự giới thiệu của ông Phạm Công Nghĩa, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn.

3. Công ty Cổ phần Mỹ nghệ Tổng hợp Xuất khẩu – HARTEXCO. Qua sự giới thiệu của ông Lê Hoàng, nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn.

4. Tập đoàn Bất động sản ĐẤT XANH – Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc ĐẤT XANH. Qua sự giới thiệu của Cty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

5. Công ty Cổ phần Công nghệ mới – ECOTEX . Qua sự giới thiệu của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Sài Gòn (đơn vị đã cấp Chứng thư thẩm định giá mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3.

6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền. Qua sự giới thiệu của ông Vũ Trục Phúc, Phó tổng Giám đốc Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn.

c/ Kết quả đàm phán:

Căn cứ vào các buổi làm việc và trao đổi trực tiếp với các nhà đầu tư nêu trên chúng tôi xin báo cáo kết quả như sau:

- Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng thương quyền: Công ty cổ phần Mỹ Nghệ Tổng Hợp Xuất Khẩu gọi tắt là Hartexco – địa chỉ 139 Hai Bà Trưng, P6, Quận 3, TP. HCM – là đơn vị có mức giá chuyển nhượng cao nhất trong các nhà đầu tư.
- Giá trị của việc chuyển nhượng thương quyền: **150 tỷ đồng VN** (chưa tính thuế VAT nếu có).

d/ Tiến độ thực hiện:

- Ngày 30/06/2016 ký Biên bản ghi nhớ giữa hai bên về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng thương quyền trong khi chờ các cơ quan có thẩm quyền cấp GIẤY CHỨNG NHẬN “Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” của mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch này.
- Ngày 01/07/2016 công ty Hartexco đã chi trả số tiền đặt cọc cho việc thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng là 50 tỷ đồng VN.
- Ngày 01/03/2017 Doanh nghiệp được cấp GIẤY CHỨNG NHẬN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3.
- Trong tháng 04/2017 ký kết Hợp đồng chuyển nhượng chính thức giữa hai bên tại phòng công chứng số 6.
- Sau 02 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức, Hartexco sẽ chuyển tiếp cho công ty cổ phần In Số 4 số tiền 50 tỷ đồng VN đồng thời lập chứng thư có giá trị 50 tỷ đồng VN với thời gian 6 tháng kể từ ngày 20/06/2017.
- Sau khi Hartexco được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên đất (là nhà xưởng mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3), Hartexco sẽ thanh toán thêm cho In Số 4 số tiền 25 tỷ đồng VN, đồng thời lập chứng thư cho 25 tỷ đồng còn lại với thời gian 6 tháng kể từ ngày 20/06/2017.

- Đợt thanh toán chót: khi Hartexco được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được thuê đất thay công ty cổ phần In Số 4, hoặc sau 6 tháng kể từ ngày 20/06/2017 tùy điều kiện nào đến trước thì Hartexco sẽ thanh toán 25 tỷ đồng VN còn lại kể cả thuế VAT nếu có.

- Thời gian bàn giao mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch cho công ty Hartexco: Sau khi mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc đã sửa chữa, cải tạo xong. Dự kiến thời gian thực hiện trong tháng 7/2017.

3.2/ Kế hoạch di dời tập trung các phân xưởng hiện hữu về một mối.

a/ Mục tiêu: Doanh nghiệp có quyền sở hữu một mặt bằng trong các khu công nghiệp của Thành phố thỏa mãn cho nhu cầu di dời tập trung toàn bộ các phân xưởng hiện hữu về một mối.

b/ Biện pháp thực hiện:

Thông qua hình thức đấu thầu chào giá cạnh tranh (Thông báo mời thầu được đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 28/05/2016)

c/ Kết quả: Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng một mặt bằng đã có nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trường Thịnh trong khu công nghiệp Vĩnh Lộc A với các thông số sau:

- Nhà xưởng và văn phòng tại Lô B2/1, đường số 2A
- Diện tích khuôn viên: 5.000m²
- Diện tích nhà xưởng và văn phòng: 3.428m²
- Thời hạn sử dụng đất: 02/07/2047
- Hình thức thuê đất: đã trả tiền 1 lần
- Cự ly di chuyển của người lao động: Từ 5 -> 10km
- Tình trạng pháp lý: Mặt bằng đã có GIẤY CHỨNG NHẬN “quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, trong đó chi phí thuê đất đã được Công ty Trường Thịnh *chi trả đến hết năm 07/2047*.
- Hệ thống thoát nước đã được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc A.
- Giá cả 30,5 tỷ đồng VN (chưa có VAT và thuế trước bạ)

d/ Tiến độ thực hiện.

- Ngày 10/6/2016 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) giữa công ty cổ phần In Số 4 và công ty TNHH TM và SX Trường Thịnh tại phòng công chứng Hoàng Xuân về việc chuyển nhượng nhà xưởng và văn phòng trong KCN Vĩnh Lộc.

- Tiến hành thủ tục xin cấp GIẤY CHỨNG NHẬN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc từ công ty TNHH TM và SX Trường Thịnh sang công ty cổ phần In Số 4 với thời hạn sử dụng đất đến tháng 7/2047 (công ty Trường Thịnh đã trả tiền thuê đất một lần).

- Ký hợp đồng kiểm định với công ty TNHH tư vấn thiết kế và kiểm định xây dựng AD SÀI GÒN, về việc khảo sát và kiểm định khả năng chịu lực của hạng mục công trình “Văn phòng và nhà xưởng của công ty cổ phần In Số 4 tọa lạc tại Lô B2/1, đường số 2A, KCN Vĩnh Lộc.

- Ký hợp đồng khảo sát, đánh giá hiện trạng và thiết kế bản vẽ thi công để cải tạo và sửa chữa mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc cho phù hợp với nhu cầu sản xuất của Doanh nghiệp với công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng SÀI GÒN ĐÔNG TÂY.

- Công việc sửa chữa và cải tạo sẽ thực hiện theo hình thức:

+ Tổ chức đấu thầu theo hình thức chào giá cạnh tranh cho bộ phận nhân công.

+ Toàn bộ vật tư sử dụng cho công trình sẽ được nhà In cung cấp nhằm giảm bớt giá thành và quản lý được chất lượng vật tư.

- Thời gian thi công: Từ ngày ký hợp đồng đến hết 30/06/2017.

3.3/ Hiệu quả:

- Tổng thu nhập: 150 tỷ đồng VN (chưa tính thuế VAT nếu có)

- Thuế TNDN 20%: 30 tỷ đồng VN.

- Thu nhập sau thuế còn được sử dụng: 120 tỷ đồng VN.

- Phân phối số thu nhập sau thuế: Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 :

+ 50% thu nhập bổ sung quỹ phát triển sản xuất: 60 tỷ đồng VN

+ 50% thu nhập chi cho các cổ đông và người lao động trong công ty: 60 tỷ đồng VN

Trong đó:

* Các cổ đông: 60% tương đương 36 tỷ đồng VN

* Người lao động trực tiếp: 40% tương đương 24 tỷ đồng VN

3.4/ Phương án xử lý số thu nhập chi cho các cổ đông và người lao động.

a/ Cho các cổ đông:

- Tổng số thu nhập được chia 36 tỷ đồng VN
- Tổng số cổ phần hiện hữu: 1.200.000 cổ phần.
- Số thu nhập các cổ đông được hưởng

$$\frac{36.000.000.000}{1.200.000} = 30.000 \text{ đồng/1 cổ phần}$$

b/ Cho người lao động trong công ty:

- Tổng số thu nhập được chia 24 tỷ đồng VN
- Phương án xử lý:
 - + Trích 10% tổng số thu nhập 2,4 tỷ đồng VN dùng để chi trả cho các người lao động đã nghỉ hưu hoặc nghỉ làm trong khoảng thời gian từ 2005 đến 2015 với mức bình quân 10.000.000 đồng/người.

Nếu trong quá trình thực hiện khoản thu nhập này không sử dụng hết thì số còn lại sẽ được chi trả cho người lao động đang còn làm việc tại công ty

+ Tổng số thu nhập còn lại: 21,6 tỷ đồng VN (24 tỷ – 2,4 tỷ) dùng chi trả cho toàn thể người lao động đang còn làm việc hoặc mới nghỉ hưu trong năm 2016 và 2017 theo thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

c/ Thời gian thực hiện:

- Đối với các cổ đông: số thu nhập trên sẽ được chi trả cho các cổ đông sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt và Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý giữa hai bên Hartexco và In Số 4.

Thời gian dự kiến: từ nay đến hết quý 3 năm 2017

- Đối với người lao động trong công ty: Cùng thời điểm chi trả cho các cổ đông.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	31.790.334.563	83.596.625.686	263
Doanh thu thuần	48.476.389.583	49.108.634.286	101

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.552.992.412	8.022.933.017	122
Lợi nhuận khác	98.435.000	580.776.030	590
Lợi nhuận trước thuế	6.651.427.412	8.603.709.047	129
Lợi nhuận sau thuế	5.188.113.381	6.882.967.238	133

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,91	0,87	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3,79	0,87	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,23	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,68	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	27,03	19,95	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,52	0,58	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,25	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,14	0,16	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tại thời điểm 05/04/2017 theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam số 475/2017-IN4/VSD-ĐK)

a/ Cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.200.000	100%
Cổ phần phổ thông	1.200.000	100%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.200.000	100%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

b/ Cơ cấu cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	614.610	51%
Cổ đông cá nhân	585.390	49%
Cộng	1.200.000	100%
Cổ đông Nhà nước	540.000	45%
Cổ đông trong nước	615.000	51,2%
Cổ đông nước ngoài	45.000	3,8%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****Phân tích tổng quan****a/ Thuận lợi**

- Các khách hàng lớn và thân thiết vẫn luôn tín nhiệm và gắn bó với Công ty thể hiện qua các Hợp đồng Kinh tế đã được ký trong năm.

- Ban lãnh đạo Công ty bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và tập thể người lao động luôn đoàn kết, tích cực trong công tác, chủ động giải quyết các tình huống sản xuất kinh doanh giúp duy trì hoạt động ổn định và phát triển tốt.

- Nguồn vốn hiện có của Công ty luôn được sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả, không để xảy ra tình trạng công nợ dây dưa, khó đòi dẫn đến mất vốn từ các khách hàng vắng lai. Đến thời điểm hiện nay, nguồn vốn chủ sở hữu đã gấp hơn 2 lần Vốn điều lệ ban đầu của các cổ đông đóng góp.

- Bộ phận kỹ thuật tạo mẫu từng bước nâng cao trình độ và phát huy được tác dụng trong việc giúp khách hàng là các Công ty XSKT hạn chế được tình trạng vé giả, vé cạo sửa, ... Kết quả này đã góp phần quan trọng trong việc duy trì được sự tín nhiệm từ phía các đối tác đối với quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

- Thị trường bất động sản trong phạm vi cả nước nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã âm dần lên, giúp doanh nghiệp có điều kiện thực hiện việc chuyển nhượng thương quyền của mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, đồng thời sở hữu được một mặt bằng đủ lớn phù hợp với quy hoạch trong các khu công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh để di dời tập trung toàn bộ các phân xưởng sản xuất hiện hữu về một mối. Toàn bộ Bản kế hoạch này đã được trình bày trong ĐH Đồng cổ đông thường niên năm 2016 với kết quả 100% số cổ đông dự họp đồng ý. Trong phạm vi hội nghị ngày hôm nay chúng tôi xin báo cáo tiến độ thực hiện với các số liệu cụ thể ở phần ***Kết quả sản xuất kinh doanh và một số mặt công tác khác của năm 2016*** tại phía sau của bản báo cáo này để Đại hội xem xét và quyết định.

2/ Khó khăn :

- Áp lực về nguồn việc trong các doanh nghiệp ngành In ngày càng tăng cao do việc thành lập mới các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất nhiều. Vấn đề này được biểu hiện rất rõ ở tình trạng cung vượt cầu của các sản phẩm in trên giấy trong toàn xã hội.

- Mặt bằng nhà xưởng hiện hữu mang nặng tính chật hẹp, manh mún và xuống cấp rất nhiều, đã làm cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất cũng như trong công tác đổi mới và trang bị thêm các máy móc thiết bị sản xuất để nâng cao chất lượng cũng như số lượng sản phẩm.

Khó khăn này sẽ được giải quyết rốt ráo trong năm 2017 nhờ vào kế hoạch Hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 và di dời tập trung các phân xưởng hiện hữu về một mối trong khu công nghiệp đã đề cập ở trên.

- Tình trạng vé số giả, vé số cạo sửa phát triển ngày càng tinh vi và đa dạng làm cho doanh nghiệp phải đầu tư nhiều công sức để đối phó và hạn chế nhằm giúp các Công ty XSKT giữ được uy tín đối với hệ thống phân phối vé là các đại lý hoặc người bán số lẻ.

Ngoài ra vào các tháng cuối năm 2016, việc hình thành và hoạt động của Công ty xổ số điện toán kiểu Mỹ – Vietlott – cũng có những tác động đáng kể vào quá trình kinh doanh vé số truyền thống của các Công ty XSKT hiện nay. Từ vấn đề này mà kế hoạch nâng cao sản lượng vé in trong năm 2017 theo như dự kiến của các Cty XSKT sẽ gặp nhiều trở ngại.

- Máy móc thiết bị hiện có đã cũ kỹ, năng suất và chất lượng sản phẩm làm ra không cao, từ đó việc nâng cao sản lượng sản xuất có giá trị cao theo yêu cầu hiện nay của xã hội doanh nghiệp hầu như không thực hiện được.

1. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản ngắn hạn	50.658.942.297	29.146.123.784
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.442.854.046	26.146.788.420
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.857.381.054	2.071.157.783
Hàng tồn kho	896.573.697	917.732.381
Tài sản ngắn hạn khác	1.462.133.500	10.445.200
Tài sản dài hạn	32.937.683.389	2.644.210.779
Tài sản cố định	32.937.683.389	2.644.210.779
Tài sản dở dang dài hạn		
Tổng tài sản	83.596.625.686	31.790.334.563

b/ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2016
Nợ ngắn hạn	57.120.488.465	7.454.949.012
Phải trả người bán	211.084.150	353.269.412
Người mua trả tiền trước	-	311.910.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	323.815.976	233.465.230
Phải trả người lao động	3.693.539.036	3.548.475.065

Chi phí phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	50.136.061.208	142.271.210
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.755.988.095	2.865.558.095
Nợ dài hạn	-	-
Nợ phải trả	57.120.488.465	7.454.949.012

c/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Không có.

d/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện		KH2017 /KH2016	KH2017 / TH2016	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
1/ Giá trị TSL (GCD)	Tr. đồng	27.000	29.064	26.000	96	90	
2/ Sản lượng trang in (13x19)	Tr.Trang	5.000	5.294	4.800	96	91	
3/ Tổng doanh thu bán hàng và	Tr. đồng	45.000	51.477	46.500	103	90	
4/ Tổng lợi nhuận trước thuế	“	6.960	8.570	7.350	106	86	
5/ Tổng lợi nhuận sau thuế	“	5.568	6.860	5.880	106	86	
6/ Các khoản nộp ngân sách	“	5.510	5.205	4.390	80	84	
7/ Tổng số lao động	Người	160	155	150	94	97	
8/ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	8,4	10,5	9,3	111	89	
9/ Phân phối lợi nhuận	Tr. đồng						
- Quỹ khen thưởng + Phúc lợi	“	1.000	1.000	1.000	100	100	Theo
- Cổ tức cổ đông	“	3.000	3.600	3.000	100	83	Điều
- Chuyển năm sau	“	1.568	2.260	1.880	120	83	lệ
- Tỷ lệ cổ tức	%	25	30	25	100	83	Cty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

a/ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Tập thể Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và CB-CNVC Công ty đã nỗ lực hết mình trong việc khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng vật tư để tổ chức sản xuất và điều hành các hoạt động của đơn vị đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 một cách tốt đẹp và hiệu

quả thể hiện qua tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch và có tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, trong đó đặc biệt nội dung lợi nhuận đạt tỷ lệ cao nhất là 129% đã nói lên tính đúng đắn và sự nỗ lực rất cao của tập thể lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Cty.

+ Các nội dung : Các khoản nộp ngân sách, cổ tức cho các cổ đông, thu nhập của người lao động đều vượt mức kế hoạch. Trong đó đặc biệt hai nội dung cổ tức cho các cổ đông và thu nhập cho người lao động ở mức khá cao so với mặt bằng chung của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

b/ Quản lý và sử dụng vốn, tài sản :

Vốn đầu tư ban đầu của các cổ đông luôn được sử dụng một cách tiết kiệm và đạt hiệu quả cao thông qua các hoạt động sau :

+ Lựa chọn đúng phương án sản xuất kinh doanh : Doanh nghiệp chỉ tập trung và sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tổ chức và điều hành tốt quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị, mặt bằng nhà xưởng hiện có, bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, đồng thời quản lý chặt chẽ và hiệu quả các nguồn cung ứng lẫn các định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên vật liệu. Trị giá vật tư phế liệu thu hồi và vật tư tiết kiệm đạt gần 523 triệu đồng.

+ Tổ chức tốt và chặt chẽ công tác tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nhằm mục đích thu hồi vốn nhanh, tránh để xảy ra thất thoát hoặc công nợ dây dưa khó đòi từ các khách hàng.

c/ Chăm lo đời sống cho người lao động :

Bên cạnh việc đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu cổ tức năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, Cty luôn quan tâm đến thu nhập của người lao động. Kết quả đạt được bình quân thu nhập của người lao động trong Cty của năm 2016 là 10.500.000 đồng/người/tháng, đạt mức 125% kế hoạch. Kết quả này đã góp phần rất lớn cho việc gắn bó và nhiệt tình trong sản xuất của toàn thể người lao động, đồng thời cũng tạo được sự đồng thuận rất cao cho Kế hoạch hợp tác và di dời các PX vào khu Công nghiệp từ phía người lao động mặc dù cự ly di chuyển từ nhà đến nơi làm việc có biến động tăng lên rất nhiều.

Ngoài ra, các tiêu chuẩn và quyền lợi của người lao động được ký kết trong bản Thỏa ước Lao động Tập thể đã được thực hiện một cách đầy đủ và đúng hạn. Các chế độ BHXH, BHTN, BHYT, bảo hiểm tai nạn, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại cũng được doanh nghiệp chi trả đúng theo các quy định hiện hành.

- Tổng số tiền BHXH, BHTN, BHYT đã chi : 2.377.487.691 đồng.

Hàng năm, Cty đều hỗ trợ 100% kinh phí cũng như vật tư cần thiết cho việc thi nâng cao tay nghề của lực lượng lao động trực tiếp sản xuất. Hiện nay cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật trong Cty ở bậc 5/7.

d/ Khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng vật tư nguyên vật liệu :

- Nguồn việc trong năm tương đối đầy đủ và chất lượng do đơn giá công in đã được Ban điều hành đàm phán với các đối tác trên tinh thần hợp tác và tương trợ.

- Ban quản lý điều hành trực tiếp liên hệ với khách hàng thân thiết cũng như các nhà cung cấp vật tư truyền thống vào dịp cuối năm nhằm chuẩn bị các Hợp đồng cho năm sau. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng đã tính toán chính xác đơn giá trong việc tham gia đấu thầu sách giáo khoa 2016. Giải quyết tốt đẹp các vấn đề trên đã giúp cho nguồn việc, nguồn hàng và nhất là thu nhập của doanh nghiệp được đảm bảo ổn định và hiệu quả cho cả năm.

- Thương hiệu Công ty Cổ phần In số 4 ngày càng được tín nhiệm trên thương trường nhờ vào việc thực hiện một cách nghiêm chỉnh và minh bạch các quy định của ngành được thể hiện trong Bộ luật xuất bản, cũng như không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

- Công tác tiết kiệm vật tư và chi phí sản xuất luôn được quan tâm và khuyến khích, kết quả trong năm vừa qua tổng trị giá vật tư tiết kiệm cũng như phế liệu thu hồi đạt gần 1 tỷ đồng.

e/ Một số mặt công tác khác :

- Việc phối hợp hoạt động giữa tổ chức Đảng, đoàn thể với Ban lãnh đạo của Cty rất tốt theo đúng quy định của Pháp luật. Trong năm vừa qua, Cty đã kết nạp thêm 02 đảng viên.

- Trong năm 2016, doanh nghiệp đã nhận được:

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ tài chính vì đã có thành tích thực hiện tốt công tác khai nộp thuế 2016.

+ Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh về thành tích hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ 2 năm liên tục 2014- 2015.

f/ Một số mặt còn tồn tại và thiếu sót :

- Một số máy móc thiết bị quá cũ kỹ, năng suất và chất lượng sản phẩm tạo chưa đáp ứng được các yêu cầu cao từ phía khách hàng nhất là khâu sau in. Do trong năm khó khăn về mặt bằng sản xuất chưa giải quyết được nên không thể thực hiện quá trình đổi mới và nâng chất máy móc thiết bị, ... khó khăn này sẽ được giải quyết rốt ráo trong thời gian tới sau khi doanh nghiệp đã di dời tập trung vào khu công nghiệp.

- Hợp đồng mua 1 ha đất trong khu công nghiệp Hoàng Gia Long An chưa được giải quyết do Chi cục Thi hành án tỉnh Long An vẫn chưa thể tổ chức đấu giá thành công các khu đất này để trả cho các nhà đầu tư theo quyết định của Tòa Long An.

- Việc vận dụng và khai thác hết công suất máy in kỹ thuật số FUJI DCP 700 chưa đạt kết quả như mong muốn nhất trong việc tìm thêm nguồn hàng từ các khách hàng vắng lai do cạnh tranh về giá giữa các doanh nghiệp.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2015; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a/ Nhận định chung :

Nền kinh tế Việt Nam mặc dù trong năm 2016 bị ảnh hưởng rất nhiều bởi hạn hán, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu, tác động xấu môi trường biển và nhất là nguồn thu chủ yếu từ dầu thô bị giảm rất nhiều (gần 100.000 tỷ VNĐ) do biến động giá dầu trên thế giới; thế nhưng theo đánh giá của ngân hàng thế giới - WB - thì Việt Nam là một trong những nền kinh tế khởi sắc nhất của Châu Á. Vì vậy tiếp theo những thuận lợi này, sang năm 2017 chính phủ cũng kỳ vọng GDP của năm này sẽ cao hơn năm 2016 và ước đạt 6,8%.

Từ bối cảnh chung này và nhất là căn cứ vào những yếu tố nội tại bền vững hiện có của Công ty cổ phần In Số 4 mà trong năm 2017, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp vẫn sẽ ổn định và duy trì được hiệu quả như các năm trước.

Tuy nhiên với sự xuất hiện của loại hình vé số kiểu Mỹ – Vietlott – vào thời điểm những tháng cuối năm 2016 đã phần nào tác động đến kế hoạch tăng vé trong năm 2017. Điều này đồng nghĩa với việc kế hoạch sản lượng trang in của doanh nghiệp cũng sẽ không thể gia tăng.

b/ Các mục tiêu chính :

- Giữ vững ổn định sản xuất, thực hiện tốt các Hợp đồng với khách hàng truyền thống lâu năm trên cơ sở ngày càng cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng sản phẩm để doanh nghiệp và khách hàng ngày càng gắn bó và thêm tín nhiệm.

- Triển khai việc sửa chữa cải tạo mặt bằng trong Khu CN Vĩnh Lộc một cách nhanh chóng và hiệu quả nhằm có thể sớm di dời tập trung các PX, đồng thời cũng là tiền đề để chúng ta thực

hiện thành công toàn bộ kế hoạch hợp tác đầu tư mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 đã đề ra trong Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

- Trên cơ sở nguồn vốn được bổ sung từ thu nhập khác, doanh nghiệp sẽ sớm trang bị thêm các máy móc thiết bị mới có năng suất và chất lượng cao ở các khâu in và sau in.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số CP	Chức danh
01.	Ông Phan Chí Trung	9.800	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	5.200	Phó chủ tịch HĐQT. Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	2.100	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	9.200	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	4.550	Thành viên Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2016 là 1.500.000 đồng/người/tháng.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 05 năm Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01	Bà Lê Thị Thu Nguyệt	100	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	-	Thành viên Ban Kiểm
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	1.970	Thành viên Ban Kiểm

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015:

- **Kiểm soát chiến lược:**

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.

- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.

- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT, Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- **Kiểm soát hoạt động:**

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01lần/năm)

- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.

- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- **Kiểm soát Báo cáo tài chính:**

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2015 là 1.500.000 đồng /người/tháng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÓ 4

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06/10/2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005. Công ty đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất bản cấp ngày 28/10/2005.

Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8357465848 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp cho dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần In số 4 tại Lô B2/1, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh:

Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

Mã chứng khoán niêm yết (UpCOM): IN4

Trụ sở chính: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Do	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Thọ	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Nhanh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Nguyệt	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tài	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Do	Giám đốc
Ông Phan Chí Trung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Thọ	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Hạnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Văn Do - Giám đốc Công ty.

4. Các thông tin khác

Ngày 30 tháng 06 năm 2016 Công ty CP In Số 4 đã ký Biên bản ghi nhớ số 01/BBGN/MNTH-IN4 với Công ty CP Mỹ Nghệ Tổng hợp Xuất khẩu về việc chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản cố định trên đất số 61 Phạm Ngọc Thạch -Phường 6-Quận 3- TPHCM.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

6. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Chí Trung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 06.16.248/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CP IN SỐ 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Dương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNT: 0321-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Vinh
Số GCNĐKHNT: 0112-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.658.942.297	29.146.123.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.442.854.046	26.146.788.420
1. Tiền	111		1.442.854.046	3.646.788.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	22.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.857.381.054	2.071.157.783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.352.008.633	1.773.720.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	533.407.501	297.437.349
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(28.035.080)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		896.573.697	917.732.381
1. Hàng tồn kho	141	V.4	896.573.697	917.732.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.462.133.500	10.445.200
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.462.133.500	10.445.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.937.683.389	2.644.210.779
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	1.000.000.000	1.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		32.937.683.389	2.644.210.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	13.062.933.769	2.644.210.779
- Nguyên giá	222		33.768.135.676	23.235.833.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.705.201.907)	(20.591.622.716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	19.874.749.620	-
- Nguyên giá	228		20.091.960.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(217.210.380)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.596.625.686	31.790.334.563

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.120.488.465	7.454.949.012
I. Nợ ngắn hạn	310		57.120.488.465	7.454.949.012
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	211.084.150	353.269.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	311.910.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	323.815.976	233.465.230
4. Phải trả người lao động	314		3.693.539.036	3.548.475.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	50.136.061.208	142.271.210
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.755.988.095	2.865.558.095
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

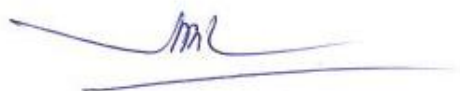
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.476.137.221	24.335.385.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	26.476.137.221	24.335.385.551
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.756.674.425	5.756.674.425
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.719.462.796	6.578.711.126
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.178.711.126	1.390.597.745
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.540.751.670	5.188.113.381
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.596.625.686	31.790.334.563

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Trần Thành Quân Triết

Trần Thị Hạnh

Nguyễn Văn Do

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.108.634.286	48.476.389.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.108.634.286	48.476.389.583
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.221.755.375	37.864.650.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.886.878.911	10.611.739.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.690.728.974	1.055.814.433
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.554.674.868	5.114.561.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		8.022.933.017	6.552.992.412
11. Thu nhập khác	31	VI.5	677.830.271	98.435.000
12. Chi phí khác	32	VI.6	97.054.241	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		580.776.030	98.435.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.603.709.047	6.651.427.412
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.720.741.809	1.463.314.031
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.882.967.238	5.188.113.381
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.902	3.573
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	4.902	3.573

KII
C
1
/

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thành Quân Triết

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Hạnh

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Do

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.603.709.047	6.651.427.412
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.199.372.845	767.440.557
- Các khoản dự phòng	03		28.035.080	(253.813.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.690.728.974)	(1.055.814.433)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(1.142.215.568)	(772.943.271)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.998.172.430	5.336.297.265
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(2.528.673.922)	1.045.115.328
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		21.158.684	965.845.640
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(494.888.325)	762.244.809
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.560.314.031)	(1.798.374.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000.000	563.870.458
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(734.120.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.435.454.836	6.140.878.980
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(31.492.845.455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		262.727.271	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.690.728.974	1.055.814.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.539.389.210)	1.055.814.433

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của Chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.600.000.000)	(3.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.600.000.000)	(3.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	19.296.065.626	3.956.693.413
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.146.788.420	22.190.095.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1 45.442.854.046	26.146.788.420

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thành Quân Triết

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Hạnh

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Do

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06/10/2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005. Công ty đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất bản cấp ngày 28/10/2005.

Trụ sở chính: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty:**

Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:** 153 nhân viên. (Ngày 31/12/2015: 157 nhân viên)**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không thành lập các chi nhánh và chỉ có 01 trụ sở chính tọa lạc tại Quận 3, Tp.HCM.

Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8357465848 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp cho dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần In số 4 tại Lô B2/1, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất vé số dở dang

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Quyền sử dụng đất	31 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...bán trong kỳ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

11. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***11. Công cụ tài chính (tiếp theo):****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

12. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

13. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	1.442.854.046	3.646.788.420
Tiền mặt	621.915.790	876.649.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	820.938.256	2.770.138.687
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	22.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	44.000.000.000	22.500.000.000
Cộng	45.442.854.046	26.146.788.420

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	2.352.008.633	(28.035.080)	1.773.720.434	-
Khách hàng trong nước	2.352.008.633	(28.035.080)	1.773.720.434	-
- Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết & DVTH Đồng Nai	1.056.000.000	-	704.000.000	-
- Công ty TNHH TMDV Văn hóa Bảo Long	1.077.081.200	-	636.127.190	-
- Công ty TNHH Hồng Hưng	127.083.280	-	227.083.280	-
- Các khách hàng khác	91.844.153	(28.035.080)	206.509.964	-
Cộng	2.352.008.633	(28.035.080)	1.773.720.434	-

3. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	533.407.501	-	297.437.349	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	60.000.000	-	263.912.000	-
Lãi dự thu tiền gửi	473.407.501	-	-	-
Phải thu khác	-	-	33.525.349	-
b. Dài hạn	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An (*)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	1.533.407.501	(1.000.000.000)	1.297.437.349	(1.000.000.000)

(*) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25/03/2008, tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009. Khoản đặt cọc này đang được Cục thi hành án tỉnh Long An thụ lý để tiến hành thi hành án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	519.195.089	-	603.448.439	-
Công cụ, dụng cụ	8.756.608	-	6.633.910	-
Chi phí SX, KD dở dang	368.622.000	-	307.650.032	-
Cộng	896.573.697	-	917.732.381	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.449.193.400	17.370.316.466	1.416.323.629	23.235.833.495
Mua trong năm	10.408.040.000	-	992.845.455	11.400.885.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(528.654.131)	(339.929.143)	(868.583.274)
Số dư cuối năm	14.857.233.400	16.841.662.335	2.069.239.941	33.768.135.676
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.391.878.527	14.783.420.560	1.416.323.629	20.591.622.716
Khấu hao trong năm	230.782.205	627.274.580	124.105.680	982.162.465
Thanh lý, nhượng bán	-	(528.654.131)	(339.929.143)	(868.583.274)
Số dư cuối năm	4.622.660.732	14.882.041.009	1.200.500.166	20.705.201.907
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	57.314.873	2.586.895.906	-	2.644.210.779
Số dư cuối năm	10.234.572.668	1.959.621.326	868.739.775	13.062.933.769

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.981.522.949 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Mua trong năm (*)	20.091.960.000	20.091.960.000
Số dư cuối kỳ	20.091.960.000	20.091.960.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

		Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm		-	-
Khấu hao trong kỳ		217.210.380	217.210.380
Số dư cuối kỳ	-	217.210.380	217.210.380
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	19.874.749.620	19.874.749.620

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

(*): Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) ngày 10/06/2016; Công ty CP In Số 4 đã nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất - nhà xưởng tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc. Công ty đã thanh toán 1 lần giá trị QSDĐ: 20.091.960.000 VND, thời gian sử dụng đất là từ ngày 27/07/2016 đến hết ngày 02/07/2047.

7. Phải trả người bán

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn	211.084.150	353.269.412
Nhà cung cấp trong nước	211.084.150	353.269.412
Công ty Cổ phần Địa sinh	57.013.000	-
Công Ty TNHH TM SX DV Viễn Thái	41.133.400	-
Công ty TNHH TM SX Vĩnh Tường Phát	36.375.000	45.650.000
Công ty TNHH Dây thun Tân Vinh Phát	21.120.000	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo Dục Phương Nam	-	151.102.612
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	-	77.008.800
Các nhà cung cấp khác	55.442.750	79.508.000
Cộng	211.084.150	353.269.412

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	63.116.950	1.952.813.690	2.015.930.640	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.314.031	1.720.741.809	1.560.314.031	293.741.809
Thuế thu nhập cá nhân	37.034.249	144.067.661	151.027.743	30.074.167
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		1.295.425.866	1.295.425.866	-
Các loại thuế khác	-	92.395.355	92.395.355	-
Cộng	233.465.230	5.297.839.736	5.207.488.990	323.815.976

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Phải trả khác	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	35.235.150	37.322.090
Bảo hiểm xã hội	826.058	4.949.120
Cty CP Mỹ Nghệ Tổng Hợp Xuất Khẩu (*)	50.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	50.136.061.208	142.271.210

(*) Là khoản Công ty CP In Số 4 nhận đặt cọc của Công ty CP Mỹ Nghệ Tổng hợp Xuất khẩu tại ngày 01/07/2016 theo Biên bản ghi nhớ số 01/BBGN/MNTH-IN4 ngày 30/06/2016 về việc Công ty CP In 4 sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản cố định trên đất số 61 Phạm Ngọc Thạch - Phường 6 - Quận 3 - TP.HCM cho Công ty CP Mỹ Nghệ Tổng hợp Xuất khẩu.

10. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	5.756.674.425	5.572.631.925	23.329.306.350
Lợi nhuận	-	-	5.188.113.381	5.188.113.381
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Giảm khác	-	-	(42.034.180)	(42.034.180)
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	5.756.674.425	6.578.711.126	24.335.385.551
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	5.756.674.425	6.578.711.126	24.335.385.551
Lợi nhuận	-	-	6.882.967.238	6.882.967.238
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Giảm khác	-	-	(142.215.568)	(142.215.568)
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	5.756.674.425	8.719.462.796	26.476.137.221

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn)	45%	5.400.000.000	5.400.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	55%	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	100%	12.000.000.000	12.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vốn chủ sở hữu

c. Cổ phiếu (tiếp theo)	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu công in và bán giấy	49.108.634.286	48.476.389.583
Cộng	49.108.634.286	48.476.389.583
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, hàng hóa đã bán	36.221.755.375	37.864.650.564
Cộng	36.221.755.375	37.864.650.564
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	1.690.728.974	1.055.814.433
Cộng	1.690.728.974	1.055.814.433
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên	3.245.921.480	2.614.637.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	214.446.298	37.317.351
Thuế, phí, lệ phí	1.299.513.153	1.151.195.066
Chi phí dự phòng	28.035.080	(253.813.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.652.456	84.929.235
Chi phí bằng tiền khác	1.698.106.401	1.480.294.488
Cộng	6.554.674.868	5.114.561.040
5. Thu nhập khác	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	262.727.271	-
Giấy tiết kiệm	415.103.000	98.435.000
Cộng	677.830.271	98.435.000
6. Chi phí khác	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí bù giấy hư hỏng	97.054.241	-
Cộng	97.054.241	-
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.853.579.976	10.418.113.539
Chi phí nhân công	22.166.648.296	20.228.118.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.199.372.845	767.440.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.169.277.237	2.002.359.256
Chi phí khác bằng tiền	7.517.543.018	9.180.666.104
Cộng	42.906.421.372	42.596.697.962

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016	Năm 2015
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.720.741.809	1.463.314.031
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.720.741.809	1.463.314.031
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.882.967.238	5.188.113.381
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(1.000.000.000)	(900.000.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.000.000.000)	(900.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.882.967.238	4.288.113.381
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.902	3.573
10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.882.967.238	4.288.113.381
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	5.882.967.238	4.288.113.381
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.200.000	1.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.902	3.573

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VND	+100	454.428.540
VND	-100	(454.428.540)
Năm trước		
VND	+100	261.467.884
VND	-100	(261.467.884)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	211.084.150	-	-	211.084.150
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	100.000.000	-	-	100.000.000
	311.084.150	-	-	311.084.150
Ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán	353.269.412	-	-	353.269.412
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	100.000.000	-	-	100.000.000
	453.269.412	-	-	453.269.412

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 27)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2016	Năm 2015
Lương và thưởng	1.610.180.509	1.396.569.623

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực in gia công, không có bất kỳ chi nhánh nào. Trụ sở của Công ty tọa lạc ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU**Trần Thành Quân Triết****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Trần Thị Hạnh**

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN ĐO

11/11/17
T.Y.
V.V
H.Ô
H.Ô
H.Ô

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Phải thu khách hàng	2.352.008.633	(28.035.080)	1.773.720.434	-
- Phải thu khác	1.533.407.501	(1.000.000.000)	1.297.437.349	(1.000.000.000)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	45.442.854.046	-	26.146.788.420	-
TỔNG CỘNG	49.328.270.180	(1.028.035.080)	29.217.946.203	(1.000.000.000)
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả người bán	211.084.150	-	353.269.412	-
- Phải trả khác	100.000.000	-	100.000.000	-
TỔNG CỘNG	311.084.150	-	453.269.412	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



